

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2023/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 13 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH KHOÁ X - KỶ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 4726/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh tối đa 100% kinh phí, nhưng không quá

6.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng cây ăn trái có diện tích từ 10 ha trở lên), không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng lúa có diện tích từ 10 ha trở lên); không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm có diện tích từ 05 ha trở lên). Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

Hỗ trợ chi phí tư vấn vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh tối đa 100% kinh phí theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.”.

2. Bổ sung Điều 9a vào sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 25.000.000 đồng/điểm.”.

3. Bổ sung Điều 9b vào sau Điều 9a như sau:

“Điều 9b. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 90 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 15.000.000 đồng/mô hình.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền: Nội dung chi thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh phân bổ là 100% kinh phí thực hiện mô hình hoặc điểm du lịch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm các nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Chi hỗ trợ cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, mức hỗ trợ không quá 2.000.000.000 đồng/điểm du lịch.

b) Chi hỗ trợ thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường, mức hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/điểm du lịch.

c) Chi hỗ trợ thực hiện hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, tại các điểm du lịch đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền, mức hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/điểm du lịch.

d) Chi hỗ trợ bố trí và xây dựng điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch, mức hỗ trợ không quá 50.000.000 đồng/điểm du lịch.

đ) Chi hỗ trợ xây dựng điểm dừng nghỉ dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với các điểm du lịch với khoảng cách hợp lý, mức hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/điểm du lịch.

g) Chi hỗ trợ phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm truyền thống, nhà trưng bày nông cụ, mức hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/mô hình.

h) Chi hỗ trợ xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống,... gắn với du lịch nông thôn, mức hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/điểm du lịch.

2. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 500.000.000 đồng/mô hình.”.

5. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12 như sau:

“Điều 12a. Chi bảo tồn và phát huy di sản văn hóa

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 102 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/dự án.”.

6. Bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 như sau:

“Điều 14a. Chi thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa

1. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 7.000.000 đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 45.000.000 đồng/mô hình.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 105 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 108 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 111 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 117 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

14. Bổ sung Điều 21a vào sau Điều 21 như sau:

“Điều 21a. Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 120 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 500.000.000 đồng/kế hoạch.”.

15. Bổ sung Điều 21b vào sau Điều 21a như sau:

“Điều 21b. Chi xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng địa bàn nông thôn mới

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.000.000.000 đồng/kế hoạch.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 122 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Nguồn ngân sách chi thường xuyên của ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025.”.

Điều 2. Bổ sung một số từ và bãi bỏ một số điều của Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Bổ sung từ “đẩy mạnh” sau từ “hỗ trợ” tại tên của Điều 15.

2. Bãi bỏ các điều: Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 13.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 11 năm 2023.

2. Khi các văn bản quy định về nội dung chi và mức chi dẫn chiếu để áp dụng Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 11, thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Kim Ngọc Thái